

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2025/HNGĐ-ST
Ngày 03-4-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Luyến

Ông Nguyễn Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 03 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 52/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lồ Phi L, sinh năm 1984; nơi đăng ký thường trú: Số G đường Đ, phường G (phường L cũ), quận N, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: 6287 S, B, BC V5E 2T8, Canada; vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Bùi Thu G, sinh năm 1986; nơi cư trú: Số G đường Đ, phường G (phường L cũ), quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai đã được hợp pháp hoá tại Tổng Lãnh sự quán, nguyên đơn anh Lồ Phi L trình bày:

Anh và chị Bùi Thu G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn vào ngày 30/3/2007 tại Ủy ban nhân dân phường L (nay là phường G), quận N, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do anh chị không hợp nhau,

bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xảy ra bất hòa. Từ năm 2023, anh L sang Canada làm việc, anh chị sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, không thể hàn gắn được, anh L đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Bùi Thu G.

Về con chung: Anh L và chị G có 02 con chung là Lò Triệu L1, sinh ngày 02/10/2007 và Lò Băng N, sinh ngày 30/9/2012. Ly hôn, anh L đề nghị Tòa án giao hai con cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, bị đơn chị Bùi Thu G trình bày:

Năm 2007, chị và anh Lò Phi L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Anh chị đăng ký kết hôn vào ngày 30/3/2007 tại Ủy ban nhân dân phường L (nay là phường G), quận N, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do anh chị không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2023, anh L sang nước ngoài làm việc nên anh chị sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay anh L có đơn xin ly hôn chị G, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đồng ý ly hôn với anh L.

Về con chung: Anh L và chị G có hai con chung tên là Lò Triệu L1, sinh ngày 02/10/2007 và Lò Băng N, sinh ngày 30/9/2012. Ly hôn, chị G đề nghị Tòa án giao hai con cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Lò Phi L và chị Bùi Thu G đều vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, Chủ tọa phiên tòa đã công bố lý do đương sự vắng mặt, công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan điểm giải quyết vụ án của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Tại thời điểm thụ lý vụ án, nguyên đơn anh Lò Phi L đang sinh sống ở nước ngoài, bị đơn chị Bùi Thu G đang sinh sống tại quận N, thành phố Hải Phòng. Do vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469

của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, anh Lò Phi L và chị Bùi Thu G đều vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện anh Lò Phi L và chị Bùi Thu G kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 30/3/2007 tại Ủy ban nhân dân phường L (nay là phường G), quận N, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh Lò Phi L và chị Bùi Thu G là hôn nhân hợp pháp theo Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh chị không hợp nhau, bất đồng quan điểm. Từ năm 2023 đến nay, anh L sang Canada sinh sống và làm việc nên anh chị sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Anh L và chị G đều đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của anh L2 Phi Long được ly hôn với chị Bùi Thu G.

[4] Về con chung: Anh Lò Phi L và chị Bùi Thu G có hai con chung tên là Lò Triệu L1, sinh ngày 02/10/2007 và Lò Băng N, sinh ngày 30/9/2012. Xét thấy, hai con chung Lò Triệu L1 và Lô B đều có nguyện vọng được ở với anh L. Quá trình giải quyết, anh L và chị G thống nhất thỏa thuận giao hai con chung cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo được mọi quyền lợi của con chung nên cần được chấp nhận. Vì vậy, cần căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử: Giao hai con chung Lò Triệu Lâm, sinh ngày 02/10/2007 và Lò Băng N, sinh ngày 30/9/2012 cho anh L2 Phi Long trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử tạm thời không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Anh Lò Phi L và chị Bùi Thu G không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Lò Phi L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Anh Lò Phi L và chị Bùi Thu G được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 2 Điều 478, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lò Phi L:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lò Phi L được ly hôn chị Bùi Thu G.

- Về con chung: Giao hai con chung Lò Triệu Lâm, sinh ngày 02/10/2007 và Lò Băng N, sinh ngày 30/9/2012 cho anh L2 Phi Long trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh Lò Phi L và chị Bùi Thu G tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử tạm thời không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh Lò Phi L và chị Bùi Thu G không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Lò Phi L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001104 ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn anh Lò Phi L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Bị đơn chị Bùi Thu G được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường Lạc Viên (nay là phường Gia Viên), quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng (ĐKKH ngày 30/3/2007);
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thu Hà